

Số: 68/KH-UBND

Trà Cú, ngày 21 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên địa bàn huyện Trà Cú

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành chuẩn hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 12/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu huyện Trà Cú giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc thành lập Tổ giúp việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu huyện Trà Cú năm 2022;

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên địa bàn huyện, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2022; xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2023 và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác giai đoạn 2023 - 2025.

- Xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu theo mức chuẩn quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ và Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Yêu cầu

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, phân loại hộ gia đình, tổng hợp phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình điều tra, rà soát tại Kế hoạch này.

- Quá trình tổ chức rà soát phải đảm bảo tính chính xác, dân chủ, công khai, công bằng, có sự tham gia của người dân.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí rà soát thực hiện đúng theo quy định hiện hành, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT

1. Đối tượng rà soát: Toàn bộ hộ dân cư trên địa bàn huyện.

2. Phạm vi rà soát: Tiến hành trên phạm vi toàn huyện.

3. Phương pháp rà soát

3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo đa chiều theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

3.2. Phương pháp xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu: Xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách Nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

4. Thời gian rà soát: Thực hiện từ ngày 01/9 đến hết ngày 30/11/2022.

5. Tiêu chí xác định các đối tượng

5.1. Tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP:

a) Hộ nghèo:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Hộ cận nghèo:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Hộ có mức sống trung bình:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

5.2. Xác định hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo

a) Hộ thoát nghèo: Là hộ nghèo thuộc danh sách địa phương quản lý trước thời điểm rà soát nhưng qua rà soát được xác định không thuộc nhóm đối tượng hộ nghèo theo tiêu chí về xác định hộ nghèo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quyết định công nhận là hộ thoát nghèo. Hộ thoát nghèo gồm 02 loại:

- Hộ thoát nghèo và trở thành hộ cận nghèo.
- Hộ thoát nghèo vượt qua mức chuẩn hộ cận nghèo.

b) Hộ thoát cận nghèo: Là hộ cận nghèo thuộc danh sách địa phương quản lý trước thời điểm rà soát nhưng qua rà soát được xác định không thuộc nhóm đối tượng hộ cận nghèo theo tiêu chí về xác định hộ cận nghèo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quyết định công nhận là hộ thoát cận nghèo.

c) Hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo: Là hộ cận nghèo thuộc danh sách địa phương quản lý trước thời điểm rà soát nhưng qua rà soát được xác định, phân loại là hộ nghèo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quyết định công nhận là hộ nghèo.

5.3. Tiêu chí xác định hộ có thu nhập khá, giàu theo mức chuẩn quy định tại Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Hộ có thu nhập khá:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.250.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 3.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

b) Hộ có thu nhập giàu:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 10.000.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 12.000.000 đồng.

5.4. Phân tích hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu theo các nhóm đối tượng

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động: Là hộ không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo có đối tượng người có công với cách mạng: Là hộ có ít nhất một thành viên trong hộ là người có công với cách mạng đang hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, hộ có thu nhập giàu dân tộc thiểu số: Là hộ có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

6. Các bước thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022

6.1. Bước 1: Công tác chuẩn bị rà soát

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và nội dung Kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên các phương tiện truyền thông để người dân biết, tham gia thực hiện.

- Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu (nếu có).

- Xây dựng Kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức rà soát.

- Tổ chức lực lượng Rà soát viên thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn huyện.

- Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch rà soát; Hội nghị tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn trên địa bàn huyện.

6.2. Bước 2: Chỉ đạo, tổ chức rà soát và phân loại hộ gia đình

a) Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Ban Chỉ đạo xã, thị trấn chủ trì, phối hợp với ấp, khóm và Rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát theo địa bàn ấp, khóm, gồm:

- Danh sách hộ gia đình rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo (**Danh sách 01 - Phụ lục I**), gồm:

+ Toàn bộ hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, thị trấn đang quản lý tại thời điểm rà soát.

+ Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg) sau khi nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình theo Phiếu A, có dưới 04 tiêu chí.

- Danh sách hộ gia đình rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu (**Danh sách 02 - Mẫu số 9.1**): Các hộ gia đình còn lại trên địa bàn, ngoài các hộ đã đưa vào danh sách rà soát tại Danh sách 01.

b) Tổ chức rà soát

Ban Chỉ đạo rà soát xã, thị trấn chủ trì, phối hợp với ấp/khóm và Rà soát viên thu thập thông tin, tính điểm hộ gia đình như sau:

- Sử dụng Phiếu B (theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH) để thu thập thông tin, tính điểm, tổng hợp đối với những hộ đã lập danh sách rà soát tại Danh sách số 01.

- Sử dụng Phiếu rà soát, xác định hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu để xác định thu nhập đối với những hộ gia đình đã lập danh sách rà soát tại Danh sách số 02.

c) Tổng hợp, phân loại hộ gia đình dựa trên kết quả rà soát

Rà soát viên cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu vào 02 danh sách đã lập để rà soát (*danh sách 01 - phụ lục I và danh sách 02 - Mẫu số 9.1*) và thực hiện phân loại hộ gia đình theo các tiêu chí của từng nhóm đối tượng sau:

*** Xác định, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo (các hộ gia đình trong Danh sách 01 - phụ lục I):**

- Hộ nghèo:

+ Hộ nghèo khu vực nông thôn: Hộ có điểm A (B1) \leq 140 điểm và điểm B (B2) \geq 30 điểm.

+ Hộ nghèo khu vực thành thị: Hộ có điểm A (B1) \leq 175 điểm và điểm B (B2) \geq 30 điểm.

- Hộ cận nghèo:

+ Hộ cận nghèo khu vực nông thôn: Hộ có điểm A (B1) \leq 140 điểm và điểm B (B2) $<$ 30 điểm.

+ Hộ cận nghèo khu vực thành thị: Hộ có điểm A (B1) \leq 175 điểm và điểm B (B2) $<$ 30 điểm.

- Hộ nghèo thoát nghèo, gồm 02 loại:

+ Hộ thoát nghèo và trở thành hộ cận nghèo.

+ Hộ thoát nghèo vượt qua mức chuẩn hộ cận nghèo là hộ có điểm B1 $>$ 140 điểm đối với Khu vực nông thôn và hộ có điểm B1 $>$ 175 điểm đối với khu vực thành thị.

- Hộ thoát cận nghèo: Hộ thoát cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm B1 $>$ 140 điểm. Hộ cận nghèo khu vực thành thị là Hộ có điểm B1 $>$ 175 điểm.

Trường hợp, qua rà soát và phân loại hộ gia đình trong danh sách 01 - phụ lục I, nếu có hộ gia đình không đáp ứng đủ tiêu chí của hộ nghèo, hộ cận nghèo (*kết quả phân loại là hộ không nghèo, không cận nghèo*) thì Rà soát viên lập bổ sung những hộ này vào Danh sách 02 - Mẫu số 9.1 để tiếp tục rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu.

*** Xác định, phân loại hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu (các hộ gia đình trong Danh sách 02 - Mẫu số 9.1):**

- Hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, hộ có thu nhập giàu thực hiện theo tiêu chí xác định tại điểm 5.1, 5.3 khoản 5 Mục II Kế hoạch này.

Trường hợp, sau khi rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu theo Danh sách số 02 - Mẫu số 9.1; nếu kết quả rà soát, xác định có hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng dưới mức chuẩn của hộ có mức sống trung bình thì Rà soát viên sử dụng **Bảng chấm điểm Phiếu B1** (mẫu số 3.4 áp dụng cho khu vực thành thị và Mẫu số 3.10 áp dụng cho khu vực nông thôn theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH) để chấm điểm tài sản của hộ gia đình; kết quả chấm điểm, nếu hộ có điểm B1 > 140 điểm (đối với khu vực nông thôn) hoặc hộ có điểm B1 > 175 điểm (đối với khu vực thành thị) thì phân loại hộ gia đình đó là hộ có mức sống trung bình (hồ sơ lưu trữ gồm: Phiếu rà soát, xác định hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu và Bảng chấm điểm Phiếu B1).

*** Ghi chú:** Trong đợt rà soát định kỳ này, nếu trên địa bàn có hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú⁽¹⁾ làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có giấy đề nghị xác định hộ có mức sống trung bình theo mẫu quy định để làm cơ sở tham gia bảo hiểm y tế thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát vừa thực hiện quy trình rà soát quy định tại Kế hoạch này, vừa tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình theo phiếu khảo sát và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình quy định tại Hướng dẫn số 931/HD-SLĐTBXH ngày 09/5/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để đảm bảo đúng quy định khi xác định đối tượng thực hiện chính sách của Trung ương.

6.3. Bước 3: Tổ chức kiểm tra, phúc tra lại kết quả rà soát:

- Trên cơ sở theo tiến độ của Rà soát viên thực hiện rà soát và phân loại kết quả hộ gia đình đã rà soát sơ bộ trên địa bàn áp, khóm hằng tuần để Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát gửi về Ban Chỉ đạo huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội), Ban Chỉ đạo rà soát xã, thị trấn phối hợp thành viên Ban Chỉ đạo huyện được phân công hỗ trợ địa bàn, thường xuyên tổ chức kiểm tra kết quả rà soát của Rà soát viên khi xét thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn.

- Căn cứ báo cáo kết quả rà soát sơ bộ của Ban Chỉ đạo xã, thị trấn, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo huyện tổ chức kiểm tra, phúc tra lại kết quả rà soát của xã, thị trấn khi xét thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương (nếu có).

6.4. Bước 4. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát:

Sau khi Ban Chỉ đạo huyện tổ chức kiểm tra, phúc tra lại kết quả rà soát trên địa bàn thì Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chỉ đạo tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát trên địa bàn:

⁽¹⁾ Hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế là những người cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về cư trú.

a) Thành phần cuộc họp:

Ban Chỉ đạo xã, thị trấn (*thành viên Ban Chỉ đạo được phân công hỗ trợ địa bàn*), công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo xã, thị trấn, Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ ấp, khóm, đoàn thể, Rà soát viên và một số hộ đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, thị trấn giám sát.

b) Nội dung cuộc họp:

- Lấy ý kiến **thống nhất của ít nhất 50%** tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (*chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo*). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50% thì thực hiện rà soát lại theo quy trình từ bước 2 đến bước 4.

Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (*theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH*), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở ấp/khóm, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

- Đối với kết quả rà soát và phân loại hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả xác định thu nhập và phân loại hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu trên địa bàn.

Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (*theo Mẫu 9.3*) có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (*01 bản lưu ở ấp, khóm, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát xã, thị trấn*).

6.5. Bước 5: Niêm yết, thông báo công khai:

- Niêm yết công khai kết quả rà soát tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, khóm và trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; thông báo qua hệ thống truyền thanh xã, thị trấn (*nếu có*) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo xã, thị trấn tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, khóm và trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thị trấn trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (*nếu có*), Ban Chỉ đạo xã, thị trấn tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn về các danh sách (*sau khi rà soát*), gồm:

- + Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi rà soát (**Mẫu số 6.1**).
- + Danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo sau khi rà soát (**Mẫu số 6.2**).
- + Danh sách hộ có mức sống trung bình (**Mẫu số 9.4**).
- + Danh sách hộ có thu nhập khá, giàu (**Mẫu số 9.5**).

6.6. Bước 6: Báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

6.7. Bước 7: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện để ban hành các quyết định, gồm:

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo (*theo Mẫu số 02*).

- Quyết định công nhận danh sách hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu (*theo Mẫu số 9.6*).

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quyết định công nhận các danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn thì thực hiện niêm yết công khai các danh sách trên tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 2816/SLĐTĐBXH-VPBCĐGN ngày 13/12/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để phục vụ công tác quản lý đối tượng và thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của Nhà nước. Cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn vào danh sách quản lý theo phụ lục số 12, phụ lục số 13 bằng Microsoft Excel (*hoàn thành trước ngày 01/02/2023*).

6.8. Bước 8: Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát:

- Ủy ban nhân dân xã, thị trấn căn cứ báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và kết quả xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu của từng ấp, khóm tiến hành tổng hợp, ban hành quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện theo đúng hệ thống biểu mẫu, thời gian quy định. Cụ thể:

+ Báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP: Quyết định công nhận danh sách theo mẫu số 02 và các mẫu, biểu tổng hợp theo quy định tại Phụ lục VII (*các mẫu số: 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8, 7.9, 7.10, 7.11*) và phụ lục số 8A, 8B (*riêng Phụ lục số 8A, 8B tổng hợp số liệu đến ấp/khóm*).

+ Báo cáo kết quả rà soát hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu: Quyết định công nhận danh sách theo mẫu số 9.6 và các mẫu, biểu tổng hợp số liệu đến ấp/khóm theo các mẫu số: 9.7, 9.8, 9.9.

7. Chế độ báo cáo

7.1. Báo cáo tiến độ: Trước 15 giờ, ngày thứ Năm hằng tuần, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổng hợp tiến độ rà soát trên địa bàn (*theo phụ lục số 10*) gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (*cơ quan Thường trực Ban Chỉ*

đạo rà soát huyện) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

7.2. Báo cáo kết quả sơ bộ: Trước ngày **27/10/2022**, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn gửi báo cáo sơ bộ kết quả rà soát trên địa bàn (theo phụ lục số 11) gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo huyện) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

7.3. Báo cáo kết quả chính thức: Chậm nhất ngày **31/11/2022**, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn gửi báo cáo chính thức kết quả rà soát trên địa bàn theo hệ thống biểu, mẫu quy định tại Mục 5.8 Kế hoạch này, kèm báo cáo tổng kết theo mẫu số 04 về Ban Chỉ đạo huyện (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kết quả rà soát trên địa bàn huyện và tổng hợp báo cáo kết quả chính thức về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

7.4. Báo cáo danh sách quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022: Chậm nhất ngày **31/01/2023**, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổng hợp các file danh sách quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 (phụ lục số 12, phụ lục số 13) của từng xã, thị trấn trên địa bàn gửi Ban Chỉ đạo huyện (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để quản lý, theo dõi, trích xuất dữ liệu khi cần.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Nghị quyết số 59/2018/NQ-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh²; Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính³; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính⁴ và các văn bản có liên quan.

3. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cụ thể cho các hoạt động của cuộc Tổ chức rà soát theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của từng địa phương, đơn vị; thực hiện chi trả đúng định mức, đúng đối tượng, đảm bảo chất lượng công việc được giao và chấp hành đúng các quy định về chế độ tài chính.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo huyện (Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội)

- Chỉ đạo, tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên địa bàn huyện; theo dõi,

² quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

³ quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra, thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia

⁴ sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra, thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia

kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc địa phương thực hiện công tác rà soát trên địa bàn huyện theo đúng quy trình và đảm bảo thời gian theo quy định.

- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát của xã, thị trấn trong trường hợp xét thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên địa bàn huyện cho lực lượng rà soát viên tham gia công tác rà soát.

- Chỉ đạo Tổ giúp việc huyện thường xuyên hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát địa phương trong suốt quá trình tổ chức công tác rà soát từ khâu tổ chức tập huấn đến khi kết thúc đợt rà soát. Trường hợp cần thiết, trung dụng công chức, viên chức chuyên môn đang công tác tại các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo huyện để phân công phụ trách địa bàn thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong quá trình triển khai thực hiện công tác rà soát.

- Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên, các đoàn thể và Nhân dân về mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và nội dung Kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên các phương tiện truyền thông để người dân biết, tham gia thực hiện.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ do ngành phụ trách, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên địa bàn huyện.

3. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

- Rà soát, củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu để đảm bảo thành phần triển khai thực hiện công tác rà soát trên địa bàn.

- Ban hành Kế hoạch và chỉ đạo triển khai Kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên địa bàn, trong đó quy định cụ thể về khung thời gian thực hiện ở các bước trong quy trình rà soát theo Kế hoạch này để đảm bảo tiến độ thực hiện theo quy định.

- Cân đối, bố trí, sử dụng nguồn tài chính hợp pháp thuộc ngân sách xã, thị trấn để thực hiện trên địa bàn theo quy định hiện hành (*thực hiện ngoài kinh phí huyện cho hỗ trợ theo quy định tại Kế hoạch này*).

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi về mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và nội dung Kế hoạch Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên các phương tiện truyền thông để người dân biết, tham gia thực hiện.

- Tổ chức lực lượng Rà soát viên thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn gồm: Cán bộ, công chức, người hoạt động bán chuyên trách xã, thị trấn; người công tác ở ấp, khóm có kinh nghiệm phỏng vấn, khai thác thông tin, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, nhiệt tình, biết làm công tác quần chúng, biết tiếng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn (*nếu có*), am hiểu đặc điểm của địa phương (*tùy theo điều kiện thực tế của từng địa phương, bố trí ít nhất 02 Rà soát viên/ấp, khóm; ưu tiên chọn người công tác ở xã, thị trấn*⁽⁵⁾). **Lưu ý: việc bố trí, phân công Rà soát viên phải đảm bảo chất lượng, đủ số lượng, đủ năng lực để thực hiện rà soát đạt hiệu quả, đúng theo tiến độ và thời gian quy định).**

- Mời Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chủ trì giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên địa bàn.

- Chỉ đạo Ban Chỉ đạo xã, thị trấn:

+ Tổ chức công tác rà soát trên địa bàn; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện theo đúng quy trình và đảm bảo thời gian theo quy định.

+ Tổng hợp báo cáo tiến độ định kỳ hằng tuần theo thời gian và hệ thống biểu mẫu quy định gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Tham mưu Ủy ban nhân dân xã, thị trấn báo cáo sơ bộ kết quả rà soát trên địa bàn theo thời gian và hệ thống biểu mẫu quy định gửi về Ban Chỉ đạo rà soát huyện (*Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*).

+ Phân công Rà soát viên phụ trách địa bàn ấp, khóm để thực hiện rà soát và chịu trách nhiệm về kết quả rà soát trên địa bàn do rà soát viên phụ trách.

+ Cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào danh sách quản lý (*theo phụ lục số 12, phụ lục số 13*) bằng Microsoft Excel.

+ Tổ chức lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác rà soát trên địa bàn theo quy định của pháp luật để phục vụ cho công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại và thanh tra, kiểm toán.

- Phối hợp Tổ giúp việc huyện tổ chức kiểm tra, phúc tra lại kết quả rà soát của ấp, khóm khi xét thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại (*nếu có*).

- Có ý kiến về báo cáo kết quả rà soát của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; tổng hợp phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên địa bàn (*theo mẫu*

⁽⁵⁾ Bố trí, phân công ít nhất 50% Rà soát viên trên địa bàn là người công tác ở cấp xã để đảm bảo tính khách quan trong quá trình tổ chức điều tra, rà soát và đáp ứng cho công tác tổng hợp, báo cáo trên địa bàn. Không phân công Trưởng Ban nhân dân ấp/khóm làm Rà soát viên, vì Trưởng Ban nhân dân là người chủ trì cuộc họp dân để thông qua kết quả điều tra, rà soát trên địa bàn ấp/khóm.

Quyết định ban hành kèm theo Kế hoạch này) và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) theo thời gian và hệ thống biểu mẫu quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: Chủ trì giám sát việc thực hiện tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022 trên địa bàn huyện; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, thị trấn và các tổ chức thành viên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu nhằm đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, đúng đối tượng theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) ./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- Các đoàn thể huyện;
- Thành viên Ban Chỉ đạo;
- Tổ giúp việc;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tăng Thị Thắm